

Số: 79 /KSBT-NS

Thái Bình, ngày 10 tháng 10 năm 2022

### THÔNG BÁO

**Kết quả giám sát ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại Nhà máy nước Phong Châu, huyện Đông Hưng**

#### I. Thông tin chung về cơ sở cấp nước:

- Tên cơ sở cấp nước: Nhà máy nước Phong Châu.
- Địa chỉ: xã Phong Châu - huyện Đông Hưng - Thái Bình.
- Tên đơn vị chủ quản: Công ty TNHH đầu tư phát triển Thành Vinh.
- Công suất thiết kế: 9.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước 11.488 hộ gia đình.
- Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Tiên Hưng.

#### II. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước:

##### 1. Thông tin về mẫu thử nghiệm:

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện hoạt động giám sát chất lượng nước (ngoại kiểm) 03 mẫu nước của Nhà máy nước Phong Châu, cụ thể như sau:

- Mẫu số 01: Mẫu nước lấy tại vòi phát của cơ sở cấp nước.
- Mẫu số 02: Mẫu lấy tại gia đình Ông Hoàng Đình Tiến - Tân Bình - Hợp Tiến - Đông Hưng - Thái Bình.
- Mẫu số 03: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại gia đình Ông Lê Ngọc Cân - Xóm 3-Cao Nỗ Đông - Chương Dương - Đông Hưng - Thái Bình.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 32 chỉ tiêu: 28 chỉ tiêu về hóa, lý và 04 chỉ tiêu về Vi sinh vật, kết quả cụ thể như sau:

**2. Kết quả thử nghiệm (Kết quả số: 1131/KQTN-XN ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình):**

##### a) Về chỉ tiêu hóa, lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	2,73	2,13	1,67	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 6184 : 2008	NTU	0,62	1,28	0,76	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,61	7,64	7,49	Trong khoảng 6,0-8,5

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
5.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>	0,01
6.	Hàm lượng Clo dư <sup>(*)</sup>	TCVN 6225-2:2011	mg/L	0,85	0,64	0,52	Trong khoảng 0,2-1,0
7.	Hàm lượng Amoni NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,022 <sup>(b)</sup>	<0,022 <sup>(b)</sup>	<0,022 <sup>(b)</sup>	0,3
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0016 <sup>(b)</sup>	<0,0016 <sup>(b)</sup>	<0,0016 <sup>(b)</sup>	0,02
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,2 <sup>(b)</sup>	<0,2 <sup>(b)</sup>	<0,2 <sup>(b)</sup>	0,7
10.	Hàm lượng Cadimi <sup>(*)</sup>	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0006 <sup>(b)</sup>	<0,0006 <sup>(b)</sup>	<0,0006 <sup>(b)</sup>	0,003
11.	Chỉ số pemanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	<0,5 <sup>(a)</sup>	0,672	0,864	2
12.	Hàm lượng Clorua <sup>(*)</sup>	TCVN 6194:1996	mg/L	22,7	22,7	22,7	250 (hoặc 300)
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>	0,05
14.	Hàm lượng Đồng <sup>(*)</sup>	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,05 <sup>(b)</sup>	<0,05 <sup>(b)</sup>	<0,05 <sup>(b)</sup>	1
15.	Độ cứng (tính theo CaCO <sub>3</sub> ) <sup>(*)</sup>	TCVN 6224 : 1996	mg/L	64	64,8	64	300
16.	Hàm lượng Fluorid <sup>(*)</sup>	TCVN 6494-1:2011	mg/L	<0,1 <sup>(a)</sup>	<0,1 <sup>(a)</sup>	<0,1 <sup>(a)</sup>	1,5
17.	Hàm lượng Kẽm <sup>(*)</sup>	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	2
18.	Hàm lượng Mangan tổng số <sup>(*)</sup>	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,1 <sup>(a)</sup>	<0,1 <sup>(a)</sup>	0,1
19.	Hàm lượng Natri <sup>(*)</sup>	TCVN 6660 : 2000	mg/L	6,35	6,56	6,30	200
20.	Hàm lượng Nitrat (NO <sub>3</sub> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,49	0,502	0,5	2
21.	Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,005 <sup>(b)</sup>	<0,005 <sup>(b)</sup>	<0,005 <sup>(b)</sup>	0,05
22.	Hàm lượng Sắt(tổng số) <sup>(*)</sup>	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,016 <sup>(b)</sup>	<0,016 <sup>(b)</sup>	<0,016 <sup>(b)</sup>	0,3
23.	Hàm lượng Sulphate <sup>(*)</sup>	EPA.375.4	mg/L	14,1	12,2	12,7	250
24.	Hàm lượng Sunfua	SMEWW4500 : 2017	mg/L	<0,016 <sup>(b)</sup>	<0,016 <sup>(b)</sup>	<0,016 <sup>(b)</sup>	0,05
25.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	<0,0003 <sup>(b)</sup>	<0,0003 <sup>(b)</sup>	<0,0003 <sup>(b)</sup>	0,001
26.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	56	56	98	1000
27.	Hàm lượng Chi (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,001 <sup>(b)</sup>	<0,001 <sup>(b)</sup>	<0,001 <sup>(b)</sup>	0,01
28.	Hàm lượng Selen	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,002 <sup>(b)</sup>	<0,002 <sup>(b)</sup>	<0,002 <sup>(b)</sup>	0,01

TỈNH  
 HUNG TÂY  
 SỞ MÔI TRƯỜNG VÀ  
 KHAI THÁC TÀI NGUYÊN  
 THÁI BÌNH

**b) Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<3
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
3.	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
4.	P. aeruginosa <sup>(*)</sup>	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1

*Ghi chú: KPH - Không phát hiện*

*(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)*

*(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)*

*Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD E.coli, Coliform : 01CFU/100ml*

**III. Nhận xét**

**1. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Hóa, Lý:**

- Mẫu số 01, 02, 03: Có 28/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.

**2. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Vi sinh vật:**

- Mẫu số 01, 02, 03: Có 4/4 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.

**IV. Kiến nghị**

1. Nhà máy nước Phong Châu - Công ty TNHH đầu tư phát triển Thành Vinh.

- Duy trì việc kiểm soát chất lượng nước tại bể chứa cơ sở cấp nước và tại các hộ gia đình để đánh giá chất lượng nước cấp tại bể chứa và tới các hộ gia đình luôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Đối với các chỉ tiêu có tính chất biến động (Hàm lượng Clo dư tự do, Độ đục,...) đề nghị cơ sở cấp nước theo dõi chặt chẽ hàng ngày, thường xuyên theo dõi, kiểm soát chất lượng nước nguyên liệu để có kế hoạch xử lý phù hợp. Khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước cần thông báo cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

2. Các ngành chức năng và chính quyền địa phương: Nắm bắt thông tin phản ánh của người dân và dư luận để kịp thời phối hợp kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Nhà máy nước Phong Châu.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng thông báo

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH ĐTPT Thành Vinh;
- Nhà máy nước Phong Châu;
- Sở Y tế;
- Sở Nông Nghiệp&PTNT;
- UBND huyện Đông Hưng;
- UBND xã Phong Châu;
- TT Y tế huyện Đông Hưng;
- Lưu VT, SKMT.



**KT, GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Hồng Nhung*